TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung và ông Đào Đức Phú.

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐDS-ST ngày 14/10/2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Tạ Đình P, sinh năm 1972.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Bích N, sinh năm 1980.

Cùng HKTT: Số 186, khu 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N: Ông Trần Văn H - Luật sư - Văn phòng Luật sư H Khánh, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Tạ Đình P trình bày:

Anh kết hôn với chị Hoàng Thị Bích N, sinh năm 1980; HKTT: Khu 1, phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh vào năm 2000. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tìm hiểu nhau, tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh. Sau ngày cưới vợ chồng làm ăn sinh sống ở số nhà 186, khu 4, phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn từ tháng 06 năm 2015, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa thuận, không hợp nhau. Hai bên gia đình có biết, có hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: cháu Tạ Trang N, sinh ngày 16/02/2000; cháu Tạ Minh N, sinh ngày 25/01/2004 và cháu Tạ Quang V, sinh ngày 08/08/2006. Cháu N đã trưởng thành, khi ly hôn anh P đề nghị xin trực tiếp nuôi cháu V, chị N trực tiếp nuôi cháu N, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung; Công nợ chung; Công sức: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị N yêu cầu chia khối tài sản đất và ngôi nhà theo như yêu cầu của chị N là: "Năm 2009 phường Đáp Cầu cấp cho vợ chồng 01 mảnh đất để sử dụng tọa lạc tại Khu 3, phường Đáp Cầu, TP. Bắc Ninh (Trong khu TT nhà máy thuốc lá Bắc Sơn) diện tích 57 m2, giáp nhà anh Tuấn và chị Lan, đến năm 2011 vợ chồng xây dựng 01 nhà cấp 4. Năm 2014, 3 mẹ con tôi vào nhà đó ở 1 năm đến 2015. Hiện nay vợ chồng anh Hồng, sinh 1970 và chị Tình, sinh năm 1979 đang quản lý và sử dụng". Quan điểm của anh là: Khối tài sản trên không pH là tài sản chung của vợ chồng, cũng không pH tài sản riêng của anh và anh cũng không quản lý tài sản này, anh không có liên quan gì đến khối tài sản này. Nay chị N có ý kiến như trên, anh có ý kiến như sau: Nếu chị N được sử hữu khối tài sản đó anh không tranh chấp hay yêu cầu phân chia gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ý kiến trên anh không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại lời khai có trong hồ sơ bị đơn chị Hoàng Thị Bích N trình bày: Chị thừa nhận lời khai của anh P về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn là đúng. Sau ngày cưới vợ chồng về làm ăn sinh sống ở số nhà 186, khu 4, phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng nhất từ tháng 06 năm 2015, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa thuận, không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình có biết, có hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không về đoàn tụ, anh P có đơn xin ly hôn chị đồng ý ly hôn anh P.

Về con chung: Chị cũng đồng ý với ý kiến của anh P. Vợ chồng có 03 con chung là cháu Tạ Trang Nhung, sinh ngày 16/02/2000, Tạ Minh Nguyệt sinh ngày 25/01/2004 và cháu Tạ Quang Vinh, sinh ngày 08/08/2006. Cháu Nhung đã trưởng thành, ở với ai là tùy cháu. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu Nguyệt, anh P nuôi cháu Vinh. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Năm 2012 vợ chồng chị có xây 01 ngôi nhà 2 tầng, 1 tum tọa lạc tại khu 4, phường Đáp Cầu, nguồn gốc đất là của bà Vũ Thị Thìn, sinh năm 1940, mẹ chồng chị (mất năm 2010). Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh P (được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011). Về khối tài sản này, chị đồng ý với ý kiến của anh P, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, năm 2009 phường Đáp Cầu cấp cho vợ chồng 01 mảnh đất để sử dụng tọa lạc tại Khu 3, phường Đáp Cầu, TP. Bắc Ninh (trong khu tập thể nhà máy thuốc lá Bắc Sơn) diện tích 57m2, giáp nhà anh Tuấn và chị Lan. Đến năm

2011, vợ chồng xây dựng 01 nhà cấp 4. Năm 2014, 3 mẹ con chị vào nhà đó ở 1 năm đến năm 2015. Hiện nay, căn nhà do vợ chồng anh Nguyễn Văn Hồng, sinh năm 1970 và chị Ngô Thị Tình, sinh năm 1979 quản lý và sử dụng. Ban đầu anh chị bảo là cho ở nhờ (do mẹ anh Hồng – bà Tý là chị ruột của bố chồng chị), do không có nhà nên chị cho ở nhờ, nay chị đòi lại bảo là anh P đã chuyển nhượng cho. Nay chị yêu cầu vợ chồng anh Hồng chị Tình pH trả cho vợ chồng chị N mảnh đất và ngôi nhà nêu trên. Chị N đề nghị được lấy lại nhà và trích trả cho anh P bằng tiền. Tòa án yêu cầu chị N giao nộp chứng cứ, các văn bản, giấy tờ liên quan đến tài sản này, nhưng chị N chỉ giao nộp được tờ đơn đề nghị viết bằng tay đề ngày 12/8/2011, với nội dung như sau "Đơn đề nghị

Kính gửi ủy ban nhân dân phường Đáp Cầu

Tôi tên là: Hoàng Thị Bích N

Số chứng minh thư: 125270974

Địa chỉ thường trú tại: Khu 4 Đáp Cầu

Tôi có nhu cầu kinh doanh làm xưởng có đề nghị ủy ban nhân dân phường xin được sử dụng phần đất là trên 50m tại khu 3 Đáp: (là đất bỏ trống thùng vũng)

Đề nghị làm xưởng tôi xin được nghiêm chỉnh chấp hành quy định của phường, khi nào phường cần tôi xin hoàn trarlaij và không đề nghị đền bù bất cứ điều khoản nào

Tôi xin cam đoan nếu sai tôi hoàn toàn chịu chách nhiệm

Ngày 12 – 8-2011

Người làm đơn

N

Hoàng Thị Bích N"

Đơn có dòng chữ: Ủy ban nhân dân phường Đáp Cầu xác nhận, có chữ ký và con dấu của chủ tịch Nguyễn Thị P Mai.

Nhưng tại phiên tòa hôm nay anh P có ý kiến là không liên quan gì đến khối tài sản này, nếu chị N xác định là tài sản của chị thì chị được toàn quyền sử dụng anh không có ý kiến hay yêu cầu phân chia gì nên chị N đồng ý và xin rút lại toàn bộ yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét đến khối tài sản này. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ chung, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ý kiến trên chị không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Cũng tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chi N là luật sư Trần Văn H có ý kiến: Ông đồng ý và tôn trọng quyền tự định đoạt của chị N, ông không có ý kiến gì khác.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp

luật của những người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh P, công nhận việc thuận ly hôn của anh P chị N, về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Tạ Trang Nhung, sinh ngày 16/02/2000, Tạ Minh Nguyệt sinh ngày 25/01/2004 và cháu Tạ Quang Vinh, sinh ngày 08/08/2006. Cháu Nhung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Công nhận việc thoả thuận việc nuôi con chung: Giao cháu Vinh cho anh P, giao cháu Nguyệt cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.Vấn đề cấp dưỡng không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề cập giải quyết. Về án phí: Anh P pH chịu án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Đình P và chị Hoàng Thị Bích N, kết hôn vào vào năm 2000 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hiện nay chị N có địa chỉ tại phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh nên việc anh P làm đơn xin ly hôn chị N tại Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau ngày kết hôn, anh P và chị N chung sống hoà thuận đến năm 2015 thì phát sinh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa thuận, không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình có biết, có hòa giải cho vợ chồng về với nhau nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. HĐXX nhận định đến nay mâu thuẫn vợ chồng anh P, chị N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hiện nay đã ly thân, đời sống chung không thể kéo dài được, anh P làm đơn xin ly hôn chị N đồng ý vì vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh P và chị N.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Tạ Trang Nhung, sinh ngày 16/02/2000, Tạ Minh Nguyệt sinh ngày 25/01/2004 và cháu Tạ Quang Vinh, sinh ngày 08/08/2006. Cháu Nhung đã trưởng thành có thể tự lập được cuộc sống. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận chị N được nuôi cháu Nguyệt, anh P nuôi cháu Vinh việc thoả thuận trên là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5]Về án phí: Anh P pH chịu án phí LHST theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án; Xử:

1. Về quan hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tạ Đình P được ly hôn với chị Hoàng Thị Bích N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh P và chị N. Giao cho chị Hoàng Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tạ Minh Nguyệt, sinh ngày 25/01/2004; anh Tạ Đình P nuôi con chung là cháu Tạ Quang Vinh, sinh ngày 08/08/2006, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn.

2. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Công nợ, công sức: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Tạ Đình P pH chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm

(Xác nhận anh P đã nộp 200.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001657 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh)

Các Đương sự và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- UBND P. Đáp Cầu
- VKS TP. Bắc Ninh.
- Thi hành án TP. Bắc Ninh.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Hồng